TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 36/2019/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 12 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

Căn cứ vào các điều 397, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Bà Nguyễn Thị Hồng Y**, sinh năm 1992; Cư trú tại: Số 41/2 N, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An.

- **Ông Trần Văn Đ**, sinh năm 1994; Cư trú tại: Số 574 ấp B, xã M, thành phố T, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Nguyễn Thị Hồng Yvà ông Trần Văn Đ tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An vào ngày 28/7/2016, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Tại phiên hòa giải ngày 04 tháng 3 năm 2019, hai bên thực sự tự nguyện ly hôn và đã xác định vợ chồng không có con chung; thỏa thuận được với nhau về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng Yvà ông Trần Văn Đ tự nguyện thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 68 do Ủy ban nhân dân B, thành phố T, tỉnh Long An cấp ngày 28/7/2016 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Yvà ông Đ đều xác định không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; bà Nguyễn Thị Hồng Y tự nguyện chịu toàn bộ, chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Y đã nộp theo biên lai thu số 0002735 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An sang thi hành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi Đ ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự (02);
- Viện KSND tp T;
- Chi cục THADS tp T;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND B, thành phố T);
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu: Hồ sơ việc DS, án văn.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Phượng